

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đài và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sim Êban – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2024/TLST- DS, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST – DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B)

Địa chỉ: Số A T, P. L, Q. H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phước S (Có mặt).

Phó Giám đốc Phòng G - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (Văn bản ủy quyền số 09/QĐ -/BIDV.BH ngày 10/01/2025).

Số 105 N, thị trấn K, huyện K, Đ.

- Bị đơn: Ông Hà Văn T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn M (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đặng Phước S trình bày:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh B1 - Phòng G (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với ông Hà Văn T đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 04/4/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Hà Văn T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn là 9,2%/năm, trả lãi hàng quý. Mục đích vay để phục vụ sản xuất.

- Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 28/9/2022

với nội dung: Ngân hàng cho ông Hà Văn T vay số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn là 9,2%/năm, trả lãi 02 tháng lần. Mục đích vay để phục vụ sản xuất.

Tổng hai khoản vay là 1.320.000.000đ (Một tỉ ba trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền vay 1.320.000.000đ.

Tài sản thế chấp để bảo đảm các khoản vay theo hợp đồng nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 03 giấy chứng nhận QSD đất là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04760, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 04/12/2019, mang tên ông Ngô Sỹ L1, đã được đăng ký biến động sang tên ông Hà Văn T, đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 280403 và DD 280401 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/3/2022, mang tên ông Hà Văn T, đối với thửa đất số 165 và thửa đất 167, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K. Việc thế chấp được ký kết tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/12877052/HĐBĐ ngày 04/4/2022 và được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Hà Văn T chỉ trả được 45.873.973đ tiền lãi suất của hợp đồng thứ nhất. Đối với toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tiếp theo ông T không trả cho ngân hàng, mặc dù hiện nay đã quá thời hạn trả nợ.

Tính đến ngày xét xử (ngày 08/5/2025) ông T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 1.801.662.823đ (Một tỉ tám trăm linh một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.320.000.000đ, nợ lãi là 481.662.823đ (Lãi trong hạn là 313.386.082đ, lãi quá hạn là 132.573.092đ, lãi chậm trả đối với lãi là 35.703.649đ).

Do ông Hà Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên, đồng thời phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 09/5/2025, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án ông Hà Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn M trình bày:

Hiện nay ông đang chăm sóc cây trồng trên thửa đất số 1 (thửa cũ là 74), tờ bản đồ 28 (cũ 18) diện tích 1.745m² tại thôn L, xã P, huyện K. Ông biết thửa đất trên trước đây là đất của ông Ngô Sỹ L1, nhưng sau đó đã chuyển nhượng cho ai thì ông không nắm được. Trên thửa đất số 1 có một số cây sàu riêng trồng khoảng năm 2019.

Cách đây khoảng 04 năm thấy thửa đất trên để hoang, không có người chăm sóc, có anh C (Không rõ địa chỉ) có nói với ông là chủ đất đang nợ tiền anh C nên nhờ ông trông hộ vườn. Vì vậy ông đã tiến hành chăm sóc cây sàu riêng trên đất, đồng thời có trồng thêm khoảng 50 gốc chanh dây. Việc nhờ trông hộ không có giấy tờ gì và cũng không có thỏa thuận về công đầu tư chăm sóc.

Nay ông được biết thửa đất trên chủ sử dụng đất đã thế chấp để vay tiền tại ngân hàng, ông có ý kiến như sau: Trường hợp ngân hàng bán tài sản thì ông sẽ bàn giao thửa đất lại cho ngân hàng và không có yêu cầu gì trong việc quản lý, chăm sóc vườn cây trên

thửa đất nói trên. Tuy nhiên, nếu ngân hàng tiến hành thanh lý tài sản để thu hồi nợ thì ông đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được mua lại.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể như sau:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 22, diện tích 844m², địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 280403 ngày 21/3/2022, mang tên ông Hà Văn T, thửa đất có vị trí: Phía Đông giáp đường, phía Tây giáp đất ông T1, phía Nam giáp đất ông H, phía Bắc giáp đường. Tài sản trên đất: Có cây cà phê nhưng đã hư hỏng.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22, diện tích 729,9m², địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 280401 ngày 21/3/2022, mang tên ông Hà Văn T, thửa đất có vị trí: Phía Đông giáp đường, phía Tây giáp đất ông C1, phía Nam giáp đất ông Đ, phía Bắc giáp đất ông H. Tài sản trên đất: Có 05 cây sầu riêng, không xác định được năm trồng, không có người chăm sóc.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.745m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K, đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 047601 ngày 04/12/2019, mang tên ông Ngô Sỹ L1, đã được đăng ký biến động sang tên ông Hà Văn T. Thửa đất có vị trí: Phía Đông giáp đất ông T2, phía Tây giáp đường, phía Nam giáp đất ông T3, phía Bắc giáp đất ông M.

Tài sản gắn liền với đất: 14 cây sầu riêng trồng năm 2019, 50 gốc chanh dây. Cây trồng trên đất hiện nay đang do ông Đào Văn M quản lý, chăm sóc

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 BLTTDS; các Điều 463, 466, 468 BLDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1. Buộc ông Hà Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 1.801.662.823đ (Một tỉ tám trăm linh một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.320.000.000đ, nợ lãi là 481.662.823đ.

Kể từ ngày 09/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng

Khi ông T đã trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ1 có nghĩa vụ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp cho ông T.

Trường hợp ông T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ1 thì tài sản thế chấp sẽ được yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật về thu hồi nợ vay.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hà Văn T phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hà Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 với ông Hà Văn T đã xác lập giao dịch vay tiền thông qua hợp đồng tín dụng. Do ngân hàng cho rằng ông T không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng với ông T là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền:

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 yêu cầu ông Hà Văn T trả số tiền nợ gốc 1.320.000.000đ (Một tỉ ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, do ông Hà Văn T không còn có mặt tại địa chỉ theo đơn khởi kiện, để đảm bảo việc giải quyết đúng quy định của pháp luật, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông T biết về nội dung khởi kiện tại Tòa án cũng như các mốc thời gian ông T phải có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên ông T không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh B1 – Phòng G đã ký kết với ông Hà Văn T Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 04/4/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Hà Văn T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) và Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 28/9/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Hà Văn T vay số tiền 320.000.000đ.

Tổng hai khoản vay là 1.320.000.000đ (Một tỉ ba trăm hai mươi triệu đồng). Ông T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng.

+ Về số tiền đã trả: Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông T chỉ trả được 45.873.973đ tiền lãi suất của hợp đồng thứ nhất. Toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi phát sinh tiếp theo ông T vẫn chưa trả cho ngân hàng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì khoản vay của ông T đối với ngân hàng đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên ông T vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản

thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ theo cam kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là hoàn toàn có căn cứ.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản mà ông T sử dụng để bảo đảm các khoản vay khi ký kết hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 03 giấy chứng nhận QSD đất là: Giấy chứng nhận QSD đất số CS 047601 ngày 04/12/2019, mang tên ông Ngô Sỹ L1, đã được đăng ký biến động sang tên ông Hà Văn T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 280403 và DD 280401 ngày 21/3/2022, mang tên ông Hà Văn T. Việc thế chấp được ký kết tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/12877052/HĐBĐ ngày 04/4/2022 và được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Do tài sản mà ông T đã thế chấp tại ngân hàng được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Vì vậy nếu ông T không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông T đã thế chấp cho ngân hàng, để thu hồi nợ.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản gắn liền với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.745m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K đang ông Đào Văn M quản lý, chăm sóc. Tuy nhiên, việc ông M quản lý nêu trên là tự phát, không có văn bản đồng ý của bên thế chấp cũng như bên nhận thế chấp và hiện nay ông M không có yêu cầu gì. Vì vậy, khi ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thì ông M phải bàn giao tài sản trên cho ngân hàng.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 280, 295, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ1, buộc ông Hà Văn T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử là 1.801.662.823đ (Một tỉ tám trăm linh một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.320.000.000đ, nợ lãi là 481.662.823đ.

Ông Hà Văn T tiếp tục phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quá hạn tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 09/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về chi phí đăng phát thông báo: Bị đơn đi khỏi nơi cư trú, để đảm bảo giải quyết vụ án Ngân hàng đã yêu cầu đăng phát thông báo đối với bị đơn. Chi phí đăng phát thông báo là 5.600.000đ. Do ngân hàng yêu cầu nên phải chịu chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 BLTTDS.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Để đảm bảo việc giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Chi phí xem xét thẩm định tài sản là 2.000.000đ. Đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Ông Hà Văn T là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 295, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1.

Buộc ông Hà Văn T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 tổng số tiền 1.801.662.823đ (Một tỉ tám trăm linh một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.320.000.000đ, nợ lãi là 481.662.823đ.

Kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 04/4/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12877052/HĐTD ngày 28/9/2022.

Sau khi ông Hà Văn T trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 có nghĩa vụ trả lại cho ông T Giấy chứng nhận QSD đất số CS 047601 ngày 04/12/2019, mang tên ông Ngô Sỹ L1, đã được đăng ký biến động sang tên ông Hà Văn T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 280403 và DD 280401 ngày 21/3/2022, mang tên ông Hà Văn T.

Trường hợp ông Hà Văn T không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Hà Văn T đã thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/12877052/HĐBĐ ngày 04/4/2022, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hà Văn T phải nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) sau khi thu được từ ông Hà Văn T.

3. Về chi phí đăng phát thông báo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 phải chịu 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 5.600.000đ đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

4. Về án phí: Ông Hà Văn T phải nộp 66.032.457đ (Sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 31.496.000đ (Mười một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2023/0011948 ngày 28/11/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN